

ĐA DẠNG VĂN HÓA VÀ VAI TRÒ CHỦ THỂ CỦA CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG PHÁT TRIỂN

Đặt vấn đề

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc với những đặc điểm văn hóa, kinh tế, xã hội khác nhau. Đối xử đúng đắn với sự đa dạng này càng quan trọng hơn khi sự giao thoa về kinh tế và văn hóa giữa các tộc người và giữa các quốc gia ngày càng mạnh mẽ. Trong quá trình phát triển đó, không cộng đồng nào có thể thay thế văn hóa của mình bằng một nền văn hóa khác để phát triển. Ngược lại, không cộng đồng nào có thể khép kín và từ chối thay đổi để thích nghi. Chính vì vậy, người dân và cộng đồng phải là chủ thể tích cực để quyết định gìn giữ những nét văn hóa nào và thái loại những gì không còn phù hợp, và họ cần có không gian tự do không bị áp đặt để quyết định.

Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc trợ giúp các cộng đồng dân tộc thiểu số với mục đích hướng tới sự công bằng, thịnh vượng và phát triển. Các chương trình về giáo dục, y tế, xây dựng cơ sở hạ tầng, thông tin và văn hóa xã hội đã được đưa vào trong nhiều thập kỷ qua. Các chương trình phát triển này nhằm giới thiệu những ý tưởng hoặc thực hành mới mong muốn mang lại những kết quả tốt đẹp hơn cho cộng đồng dân tộc thiểu số. Để các ý tưởng và thực hành này được chấp nhận và thành công, các cá nhân và cộng đồng cần phải có kiến thức, bị thuyết phục, tự ra quyết định, thực hành và khẳng định nó được chấp nhận hay không. Nói cách khác, một thực hành và thành tố văn hoá mới chỉ thuyết phục được và có ảnh hưởng đến một cá nhân hay cộng đồng trong việc chấp nhận hay từ chối thực hành đó khi hội tụ 5 điều kiện: thứ nhất, được người dân coi là có giá trị vượt trội hơn so với những thực hành đã và đang tồn tại; thứ hai, có sự tương thích giữa cái mới với hệ thống văn hoá bản địa; thứ ba, cái mới cần đủ đơn giản để hiểu và thực hành; thứ tư, cái mới có khả năng kiểm chứng được thông qua thực tế; và thứ năm, cái mới phải có lợi ích rõ ràng cho cá nhân và cộng đồng.

Tuy nhiên, nhiều chương trình phát triển từ trước đến nay mang tính phổ quát thậm chí là áp đặt không tính đến sự đặc thù văn hóa và điều kiện phát triển của từng cộng đồng dân tộc. Cộng đồng bị coi là đối tượng tiếp nhận thụ động, không được chủ động tham vấn và lựa chọn. Chính vì vậy, nhiều chương trình dù không phù hợp vẫn được triển khai trên diện rộng gây ra những lãng phí và thậm chí mang lại những tác dụng phụ tiêu cực lên cộng đồng. Việc tìm hiểu văn hóa cộng đồng để vận dụng vào thiết kế, triển khai và đánh giá tác động là vô cùng cần thiết. Chỉ khi điều này được áp dụng triệt để thì mới mong mang lại hiệu quả thực sự cho người dân tộc thiểu số.



act:onaid



Save the Children

CARITAS

Schweiz
Suisse
Svizzera
Svizra

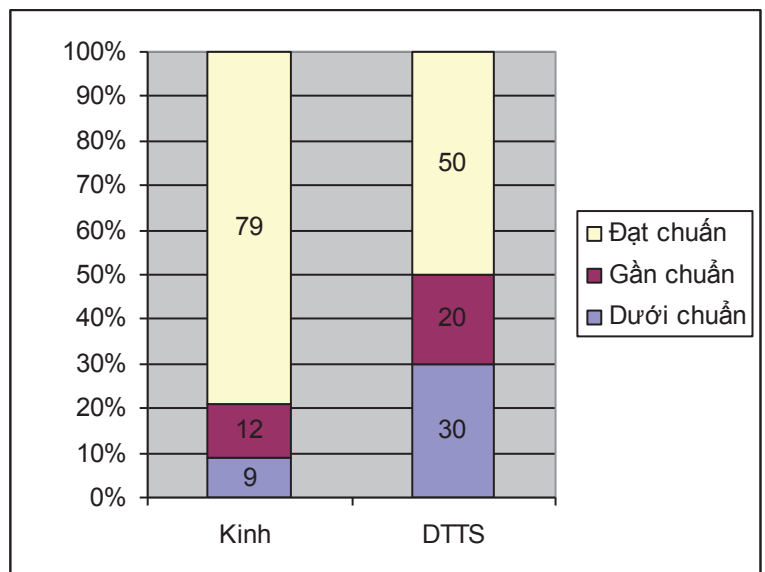
MỘT SỐ MÔ HÌNH CỤ THỂ

Các chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở của nhà nước đang có nhiều ưu tiên cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, cả số lượng và chất lượng giáo dục của học sinh dân tộc thiểu số đều kém và ngày càng thụt lùi so với mặt bằng chung của cả nước. Có nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng một trong những nguyên nhân quan trọng đó là chương trình giáo dục phổ thông thực sự là phổ quát được xây dựng trên nền tảng văn hóa của người Kinh nên khác biệt với văn hóa của người dân tộc thiểu số. Các giáo viên cũng đa số là người Kinh nên chưa thấu hiểu văn hóa cũng như phương pháp giảng dạy phù hợp với học sinh dân tộc thiểu số. Chính vì vậy, ngoài yếu tố rào cản ngôn ngữ, nhiều học sinh dân tộc thiểu số thấy xa lạ với những gì mình học do nội dung không gắn gũi với lịch sử và văn hóa của cộng đồng. Từ đó dẫn đến những bất lợi ngay từ ngày đầu đến lớp, và về lâu dài ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả đầu ra như đã trình bày ở biểu đồ 1. Chính vì vậy, những sáng kiến sử dụng kiến thức bản địa, văn hóa địa phương nhằm làm cho chương trình giáo dục gần gũi hơn với trẻ em dân tộc thiểu số sẽ góp phần vượt qua những rào cản này. Các tổ chức như Plan quốc tế và Quỹ cứu trợ nhi đồng Liên Hợp Quốc (UNICEF) đã thử nghiệm bằng cách gắn gũi hóa chương trình học thông qua sử dụng giáo cụ đậm chất văn hóa và lịch sử của tộc người, nội dung gắn gũi với văn hóa, lịch sử và ngôn ngữ dân tộc. Bên cạnh đó, việc huy động cộng đồng tham gia vào quá trình này cũng đã mang lại thành công cho chương trình giáo dục mầm non và tiểu học.

BOX 1

"Bọn trẻ đã rất hào hứng khi thấy các nhân vật từ những câu chuyện cổ mà chúng thường được nghe kể hiện lên trên các trang sách. Chúng bàn tán với nhau về cái áo của người anh trai, về con cáo có thể hát ... và hỏi tôi rất nhiều về từng nhân vật trong truyện"
(Thào Vàng Pao, TNV nhóm trẻ).

BIỂU ĐỒ 1: CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC



BOX 2

Việc khai thác văn hóa dân tộc không những làm cho chương trình phát triển phù hợp và hiệu quả hơn mà còn làm tăng lòng tự hào và tự tin của người dân. Người dân chỉ bảo tồn những gì họ cho là phù hợp và thấy tự hào về nó. Chính vì vậy, các chương trình phát triển phải tập trung nâng cao niềm tự hào của người dân thay vì cho rằng văn hóa dân tộc là lạc hậu cần phải thay đổi. Điều đặc biệt quan trọng đó là người dân phải ở trung tâm của quá trình lựa chọn này, họ phải có không gian tự do để thảo luận và chia sẻ. Đây chính là cách mà dự án photovoice mà Viện nghiên cứu xã hội kinh tế và môi trường (iSEE), tổ chức CARE và Oxfam đã thực hiện.

Kết quả dự án này chứng tỏ khi người dân có cơ hội học hỏi về văn hóa của mình, chia sẻ về văn hóa của mình thì tinh cộng đồng của họ tăng lên và lòng tự hào văn hóa cũng tăng lên. Hơn nữa, người dân đã tự tin nói về văn hóa của mình với các bên và chủ động tham gia hơn vào các chương trình phát triển sinh kế và giữ gìn văn hóa cộng đồng.

Như vậy, văn hóa là thuộc về cộng đồng và các chương trình bảo tồn văn hóa dân tộc nên lấy cộng đồng làm trung tâm. Nếu không cộng đồng sẽ bị lệ hóa và trở nên thụ động ngay trong những chương trình gìn giữ văn hóa của mình. Điều này chắc chắn sẽ dẫn đến những thất bại và lãng phí.

"[Trước đây] em thấy văn hóa mình ít đẹp, ít độc đáo - em tham gia rồi, em lại thấy khác. Từ 2010 đi đám cưới phải mặc như người Kinh, em nghĩ thế là đúng; đeo khuyên tai nặng, hỏi mẹ tại sao đeo, em không hiểu. Em thấy họ đeo vàng đeo bạc, em nghĩ dân tộc mình lạc hậu, em cũng hơi xấu hổ. Bây giờ em biết và thấy tự hào vì các bà còn đeo trang sức truyền thống. Em về em sẽ nói với mọi người khác là mình cần phải giữ"

Hồ Thị Bội - Người Pako - Tại xã Tà Rụt, Huyện Đắkrông, Tỉnh Quảng Trị

Khi cộng đồng tự hào về văn hóa của mình họ sẽ chủ động tham gia và chủ động gìn giữ. Một ví dụ điển hình đó là Mạng lưới ề Bảo tồn phát triển tri thức bản địa dân tộc Thái Việt Nam do chính những người dân tộc Thái đứng lên xây dựng và phát triển. Xuất phát từ thực tế là tiếng Thái ngày càng bị mai một và nhiều người dân tộc không còn khả năng nói và viết tiếng Thái, trong khi những nét văn hóa và kiến thức bản địa chỉ có thể truyền tải qua ngôn ngữ mẹ đẻ, Trung tâm vì sự phát triển bền vững miền núi (CSDM) đã cùng cộng đồng người Thái thành lập mạng lưới gìn giữ và bảo tồn tiếng nói và chữ viết của người Thái, bắt đầu từ tỉnh Lạng Sơn. Chính vì sự cần thiết và hiệu quả của công việc mà hiện tại mạng lưới đã mở rộng hoạt động ở 7 tỉnh có người Thái sinh sống, nhận được sự tham gia nhiệt tình của lãnh đạo cộng đồng và chính quyền địa phương. Với mô hình cộng đồng tự làm của người Thái, một số nhóm khác như người Dao cũng đã bắt đầu áp dụng để gìn giữ tiếng Dao cổ ở tỉnh Hòa Bình. Như vậy, khi người dân thấy được tầm quan trọng của việc giữ gìn văn hóa của dân tộc mình, họ có thể tự đưa ra sáng kiến và tình nguyện tham gia gìn giữ.

BOX 3

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CỦA MẠNG VTIK

Kết quả đạt được của mạng VTIK

- Thống nhất xong bộ chữ Thái ở Việt Nam
- Giảng dạy chữ Thái ở bảy tỉnh của Việt Nam
- Soạn giáo trình dạy và học chữ Thái ở Việt Nam
- Làm xong font chữ Thái Việt Nam
- Chữ Thái được đưa vào trường học và nhiều trung tâm đào tạo ở các tỉnh
- Suu tầm viết lại nhiều tài liệu cổ
- Xuất bản tài liệu nội bộ bằng chữ Thái hàng năm



"Trong phòng thi sơ cấp Pali của các nhà sư tại chùa Bung toi sa, xã Viên An, huyện Trần Đề. Các thí sinh làm bài bằng chữ Khmer. Các sư học do sư cả trong chùa dạy, nhưng cuộc thi này do chính quyền tổ chức. Nếu thi đậu, các nhà sư sẽ chuyển sang lớp bổ túc Pali trung cấp Nam bộ. Học xong lớp đó tương đương THPT. Nhiều người đi tu không học ở ngoài mà chỉ học ở đây. Trường này không có nữ sinh."

Người kể chuyện: Trịnh Phen

KẾT LUẬN

Như vậy, việc sử dụng văn hóa bản địa và sự chủ động tham gia tích cực của người dân vào việc thiết kế giáo cụ hay cải biến các nội dung chương trình giáo dục cho con em người dân tộc thiểu số đã bước đầu mang lại kết quả khả quan. Kích thích niềm tự hào về văn hóa của mình ở người dân tộc thiểu số sẽ tạo động lực và nâng cao sự tự tin của cộng đồng trong việc gìn giữ và phát triển văn hóa cũng như thực hiện các dự án phát triển. Chính vì vậy, một số kiến nghị chính sách sau nên được các cơ quan hữu quan quan tâm và xem xét:

Đẩy mạnh việc lồng ghép kiến thức bản địa và văn hóa vào các chương trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở, bằng cách phân bổ ngân sách cho sự tham gia của cộng đồng cũng như của giáo viên trong việc sản xuất giáo cụ, cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy phù hợp với văn hóa địa phương. Bắt buộc giáo viên giảng dạy ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số phải được đào tạo về đa dạng văn hóa và nhạy cảm văn hóa.

Các chương trình phát triển nói chung và bảo tồn văn hóa nói riêng phải lấy cộng đồng làm chủ thể. Mọi hỗ trợ về thiết chế văn hóa cần phải phù hợp với cộng đồng và để cộng đồng quyết định về tính phù hợp. Chính vì vậy, các chương trình nên giao trực tiếp cho cộng đồng thực hiện, tránh việc áp đặt văn hóa và đưa vào chương trình những văn hóa ngoại lai quá xa rời với văn hóa cộng đồng hiện tại.

Để cụ thể hóa việc này, Ủy ban dân tộc và Hội đồng dân tộc nên đưa ra một hướng dẫn chi tiết cho việc thực hiện khoản 1 điều 7 trong nghị định số 05/2011/NĐ-CP về công tác dân tộc nhằm định nghĩa rõ ràng về hành vi kỳ thị và phân biệt đối xử với người dân tộc thiểu số, thúc đẩy đa dạng văn hóa cho cán bộ công chức làm việc với các cộng đồng dân tộc cần phải theo.